



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2010



Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

3700381324

ngày 21 tháng 07 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 21 tháng 7 năm 2010. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Lê Phụng Hòa
Ông Phạm Gia Tuấn
Ông Nguyễn Văn Quý
Ông Lý Duy Hoàng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 27 tháng 3 năm 2010)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 3 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Phạm Văn Trung
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Bình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

9 Đại lộ Thống Nhất
Khu Công nghiệp Sóng Thần II
Huyện Dĩ An
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Tổng Giám đốc Công ty chấp thuận phát hành ngày 23 tháng 12 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-149



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		2.291.431.199.109	1.122.794.394.649
Tiền	110	3	34.385.502.402	39.974.272.469
Các khoản phải thu	130		887.185.802.758	472.260.378.021
Phải thu thương mại	131	4	661.298.057.012	346.857.104.239
Trả trước cho nhà cung cấp	132	5	226.712.593.700	126.473.511.048
Phải thu khác	135		239.956.240	518.838.153
Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(1.064.804.194)	(1.589.075.419)
Hàng tồn kho	140	7	1.148.133.598.975	512.340.807.422
Hàng tồn kho	141		1.149.809.053.367	513.808.017.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.675.454.392)	(1.467.210.019)
Tài sản ngắn hạn khác	150		221.726.294.974	98.218.936.737
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.861.946.803	2.416.138.455
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		132.743.741.516	19.527.633.660
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	8	5.089.952.473	250.000
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	78.030.654.182	76.274.914.622
Tài sản dài hạn	200		2.205.572.301.519	1.239.527.361.833
Tài sản cố định	220		1.637.724.636.483	726.568.079.225
Tài sản cố định hữu hình	221	10	864.121.262.830	372.729.849.805
Nguyên giá	222		1.058.282.843.705	500.950.417.638
Khấu hao lũy kế	223		(194.161.580.875)	(128.220.567.833)
Tài sản cố định vô hình	227	11	233.250.118.120	153.720.622.242
Nguyên giá	228		238.442.173.613	157.263.818.213
Phân bổ lũy kế	229		(5.192.055.493)	(3.543.195.971)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	540.353.255.533	200.117.607.178
Đầu tư dài hạn	250	13	536.656.010.464	504.690.544.958
Đầu tư vào các công ty con	251		478.794.465.506	446.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		43.414.544.958	43.414.544.958
Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(553.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260		31.191.654.572	8.268.737.650
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	28.561.120.370	6.648.137.493
Tài sản thuế hoãn lại	262	15	2.630.534.202	1.620.600.157
TỔNG TÀI SẢN	270		4.497.003.500.628	2.362.321.756.482

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	26	7.840.320.534.315	4.239.549.857.723
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	(12.203.286.223)	(8.301.799.945)
Doanh thu thuần	10		7.828.117.248.092	4.231.248.057.778
Giá vốn hàng bán	11	27	(7.077.670.608.388)	(3.755.362.976.557)
Lợi nhuận gộp	20		750.446.639.704	475.885.081.221
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	21.603.447.113	14.101.016.420
Chi phí hoạt động tài chính	22	29	(353.150.476.524)	(158.400.597.289)
Chi phí bán hàng	24		(181.126.845.061)	(118.796.310.577)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(114.996.048.992)	(77.925.044.221)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.776.716.240	134.864.145.554
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	30	304.369.562.294	27.960.374.205
Chi phí khác	32	31	(282.008.853.604)	(16.680.064.164)
Lợi nhuận trước thuế	50		145.137.424.930	146.144.455.595
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	(11.879.295.361)	(6.836.031.836)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	32	1.009.934.045	(3.207.315.496)
Lợi nhuận thuần	60		134.268.063.614	136.101.108.263
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.397	1.550

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2008	570.385.000.000	88.222.712.000	(572.000.000)	21.447.090.156	-	151.950.794.278	831.433.596.434
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	136.101.108.263	136.101.108.263
Cổ tức	-	-	-	-	-	(57.018.500.000)	(57.018.500.000)
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.841.522.275)	(5.841.522.275)
Thu khác	-	-	-	-	-	15.000.000	15.000.000
Số dư ngày 1 tháng 10 năm 2009	570.385.000.000	88.222.712.000	(572.000.000)	21.447.090.156	-	225.206.880.266	904.689.682.422
Cổ phiếu đã phát hành	129.615.000.000	438.652.500.000	-	-	-	-	568.267.500.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành (thuyết minh 34)	69.980.000.000	(69.980.000.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (thuyết minh 34)	237.927.900.000	-	-	-	-	(237.927.900.000)	-
Phí hoa hồng và môi giới phát hành cổ phiếu	-	(5.351.921.637)	-	-	-	-	(5.351.921.637)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	134.268.063.614	134.268.063.614
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(94.000)	-	-	-	(94.000)
Kết chuyển sang quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	8.525.313.060	(8.525.313.060)	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.121.598.094)	(6.121.598.094)
Chi khác	-	-	-	-	-	(3.092.000)	(3.092.000)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(572.094.000)	21.447.090.156	8.525.313.060	106.897.040.726	1.595.748.540.305

Người lập:

(Signature)

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:

(Signature)
Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		145.137.424.930	146.144.455.595
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		81.524.654.434	62.407.756.896
Dự phòng	03		1.116.545.008	(42.170.573.806)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	04		(555.019)	(1.911.249.145)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.532.993.102)	(861.299.937)
Chi phí lãi vay	06		159.160.398.441	73.751.347.739
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		385.405.474.692	237.360.437.342
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(534.592.437.342)	(66.481.738.921)
Biến động hàng tồn kho	10		(636.001.035.926)	195.962.103.752
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		393.880.638.676	82.340.828.783
Biến động chi phí trả trước	12		-	(4.265.683.974)
			(391.307.359.900)	444.915.946.982
Lãi vay đã trả	13		(156.683.091.441)	(73.751.347.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.873.084.632)	(773.182.098)
Tiền chuyển quỹ khen thưởng và phúc lợi từ công ty con			-	3.660.408.981
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.547.619.579)	(2.350.004.395)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(582.411.155.552)	371.716.821.731

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	2010	2009
	số	minh	VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.310.794.454.603)	(304.186.300.250)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		268.338.978.568	17.933.406.877
Chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(6.006.629.021)	(15.710.184.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.882.993.102	861.299.937
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(1.045.579.111.954)	(301.101.777.436)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thuần thu từ phát hành cổ phiếu	31		562.915.578.363	-
Chi mua lại cổ phiếu	32		(94.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		4.390.607.145.366	2.320.032.416.307
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.274.156.471.290)	(2.308.891.868.896)
Chi trả cổ tức	36		(56.964.661.000)	(56.103.747.000)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		1.622.401.497.439	(44.963.199.589)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.588.770.067)	25.651.844.706
Tiền đầu năm	60		39.974.272.469	14.322.427.763
Tiền cuối năm	70	3	34.385.502.402	39.974.272.469

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

	2010	2009
	VND	VND
Cổ tức từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen bằng cách cắt trừ với các khoản phải trả	-	81.168.958.541
Cổ tức từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải và Cơ Khí Hoa Sen bằng cách cắt trừ với các khoản phải trả	-	7.040.814.247
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ bằng tài sản cố định	26.511.836.485	6.276.000.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu	307.907.900.000	-

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ theo Giấy phép Kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh ngày 21 tháng 7 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 1.007.907.900.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Công ty có 1.836 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.422 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”) được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được thể hiện theo giá gốc. Công ty cũng đồng thời lập các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành các báo cáo hợp nhất này.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá.*

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Nếu Công ty lựa chọn áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 sẽ tăng 4.335.257.243 VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 150.348.495 VNĐ).

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi có liên quan một cách khách quan đến một sự kiện xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	6 – 8 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	5 – 20 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá/giá trị định giá trừ đi phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất, ngoại trừ quyền sử dụng đất đem góp vốn, bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất đem góp vốn được phản ánh tại giá trị định giá tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 35 đến 50 năm.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho công trình xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu ngân quỹ

Khi vốn cổ phần được mua lại, thì số tiền phải thanh toán, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vốn chủ sở hữu. Cổ phần được mua lại được phân loại là cổ phiếu ngân quỹ và được trình bày như khoản một khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Công ty. EPS được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh vật liệu thép và nhựa xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Tiền mặt	10.019.512.212	5.407.621.221
Tiền gửi ngân hàng	24.365.990.190	34.564.251.248
Tiền đang chuyển	-	2.400.000
	<hr/>	<hr/>
	34.385.502.402	39.974.272.469

Trong tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có số tiền bằng ngoại tệ tương đương 4.336.130.970 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.120.785.053 VNĐ).

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

4. Phải thu thương mại

Phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu các công ty liên quan sau:

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	192.446.316.023	189.664.213.128
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	155.681.149.969	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	3.436.138.374	-
	<hr/>	<hr/>
	351.563.604.366	189.664.213.128

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 khoản phải thu với giá trị ghi sổ 658.002.919.146 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 157.192.891.111 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

5. Trả trước cho nhà cung cấp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 khoản trả trước cho nhà cung cấp bao gồm trả trước cho dịch vụ xây dựng là 91.289.936.605 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 50.106.856.597 VNĐ).

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.589.075.419	3.108.941.086
Tăng dự phòng trong năm	1.064.804.194	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(738.081.860)	(1.115.758.029)
Hoàn nhập	(850.993.559)	(404.107.638)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.064.804.194	1.589.075.419

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	130.224.610.443	216.463.292.491
Nguyên vật liệu	328.977.587.629	105.447.846.658
Công cụ và dụng cụ	42.318.656.668	10.040.171.983
Thành phẩm	516.458.743.292	134.331.387.538
Hàng mua để bán	101.145.507.008	47.525.318.771
Tài sản nhập khẩu hộ	30.683.948.327	
	<hr/>	<hr/>
	1.149.809.053.367	513.808.017.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.675.454.392)	(1.467.210.019)
	<hr/>	<hr/>
	1.148.133.598.975	512.340.807.422

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.467.210.019	43.487.436.187
Tăng dự phòng trong năm	1.675.454.392	-
Hoàn nhập	(1.467.210.019)	(42.020.226.168)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.675.454.392	1.467.210.019

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ 1.117.449.650.648 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 512.070.807.422 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong nguyên vật liệu và thành phẩm tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có 49.259.506.424 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 16.024.601.673 VNĐ) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

8. Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	4.299.818.767	-
Thuế tài nguyên	788.004.700	-
Thuế khác	2.129.006	250.000
	<hr/>	
	5.089.952.473	250.000
	<hr/>	

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Ký quỹ ngắn hạn	75.629.296.596	74.523.355.561
Tạm ứng	2.401.357.586	1.751.559.061
	<hr/>	
	78.030.654.182	76.274.914.622
	<hr/>	

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	139.016.311.845	337.038.360.702	23.174.357.886	1.416.777.323	304.609.882	500.950.417.638
Tăng trong năm	71.460.665.966	231.779.835.249	11.395.171.967	1.605.593.963	-	316.241.267.145
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	109.531.560.351	414.274.267.356	6.929.973.234	706.359.905	-	531.442.160.846
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	11.213.839.784	-	-	-	11.213.839.784
Kết chuyển từ Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Phú Mỹ (HSPM) như khoản rút vốn góp (*)	17.298.194.747	174.659.339.747	524.000.000	-	-	192.481.534.494
Thanh lý	(73.816.938.038)	(199.570.716.423)	(937.263.306)	(714.042.001)	-	(275.038.959.768)
Xóa sổ	-	-	(14.045.455)	-	-	(14.045.455)
Kết chuyển sang HSPM làm vốn góp (*)	(17.344.617.709)	(201.124.753.270)	(524.000.000)	-	-	(218.993.370.979)
Số dư cuối năm	246.145.177.162	768.270.173.145	40.548.194.326	3.014.689.190	304.609.882	1.058.282.843.705
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	19.822.937.244	98.397.887.905	8.973.673.659	814.086.081	211.982.944	128.220.567.833
Khấu hao trong năm	12.248.914.457	54.741.448.246	3.991.012.508	301.806.333	22.413.172	71.305.594.716
Thanh lý	(191.402.150)	(4.935.798.193)	(224.432.720)	(7.681.559)	-	(5.359.314.622)
Xóa sổ	-	-	(5.267.052)	-	-	(5.267.052)
Số dư cuối năm	31.880.449.551	148.203.537.958	12.734.986.395	1.108.210.855	234.396.116	194.161.580.875
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	214.264.727.611	620.066.635.187	27.813.207.931	1.906.478.335	70.213.766	864.121.262.830
Số dư đầu năm	119.193.374.601	238.640.472.797	14.200.684.227	602.691.242	92.626.938	372.729.849.805

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

(*) Tài sản cố định hữu hình này được kết chuyển sang Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, công ty con mới và được sở hữu 100% của Công ty vào tháng 12 năm 2009, như khoản vốn góp của Công ty và sau đó được kết chuyển lại cho Công ty vào tháng 9 năm 2010 theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc Công ty để chuyển công ty con này thành chi nhánh sản xuất của Công ty vào năm 2011.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 2.200.154.117 VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 815.969.320 VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 186.113.705.790 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 179.947.324.116 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	155.873.344.479	1.390.473.734	157.263.818.213
Tăng trong năm	81.178.355.400	-	81.178.355.400
Số dư cuối năm	237.051.699.879	1.390.473.734	238.442.173.613
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu năm	3.268.709.563	274.486.408	3.543.195.971
Phân bổ trong năm	1.418.436.998	230.422.524	1.648.859.522
Số dư cuối năm	4.687.146.561	504.908.932	5.192.055.493
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	232.364.553.318	885.564.802	233.250.118.120
Số dư đầu năm	152.604.634.916	1.115.987.326	153.720.622.242

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 153.410.730.556 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 43.142.147.340 VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	200.117.607.178	15.714.280.369
Tăng trong năm	895.290.399.939	218.729.131.404
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(531.442.160.846)	(33.878.703.771)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(23.612.590.738)	(447.100.824)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	540.353.255.533	200.117.607.178

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000282 và số 4604000225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và ngày 24 tháng 12 năm 2007	100%	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000343 và số 4904000228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và ngày 18 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi ngày 18 tháng 05 năm 2009	100%	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình cơ khí và dân dụng và các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất và gia công máy xay, máy cắt và các máy móc, thiết bị công nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007, ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 18 tháng 3 năm 2009	100%	16.276.000.000	16.276.000.000

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3501504130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 4 tháng 12 năm 2009.	100%	27.518.465.506	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3501548411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.	100%	5.000.000.000	-
				<hr/>	
				478.794.465.506	446.276.000.000
				<hr/>	
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45%	43.414.544.958	43.414.544.958

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác					
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3%	15.000.000.000	15.000.000.000
				537.209.010.464	504.690.544.958
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(553.000.000)	-
				536.656.010.464	504.690.544.958

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn thể hiện khoản dự phòng lập trong năm.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ
Số dư đầu năm	6.648.137.493
Tăng trong năm	18.084.432.119
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.612.590.738
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.213.839.784)
Phân bổ trong năm	(8.570.200.196)
	<hr/>
Số dư cuối năm	28.561.120.370
	<hr/>

15. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh trên các khoản mục sau:

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Lợi nhuận nội bộ về bán hàng cho các chi nhánh	1.508.648.540	364.649.191
Dự phòng	386.148.475	274.761.898
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	815.800.061
Doanh thu chưa thực hiện	735.737.187	165.389.007
	<hr/>	<hr/>
	2.630.534.202	1.620.600.157
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

16. Vay ngắn hạn

	Thuyết minh	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			
Khoản vay 1		-	169.331.769.100
Khoản vay 2		-	133.119.838.000
Khoản vay 3	(a)	379.172.838.000	-
Khoản vay 4	(b)	170.217.214.428	-
Khoản vay 5	(c)	15.032.008	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 1		-	192.365.305.600
Khoản vay 2		-	33.323.750.000
Khoản vay 3	(d)	89.605.926.343	-
Khoản vay 4	(e)	180.434.911.000	-
Ngân hàng Công Thương Việt Nam			
Khoản vay 1	(f)	32.689.327.799	26.483.871.700
Khoản vay 2		-	3.576.686.786
Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải	(g)	130.140.383.940	-
Ngân hàng Far East National Bank			
Khoản vay 1	(h)	100.665.786.622	57.940.948.782
Khoản vay 2		-	4.494.047.225
Ngân hàng Indovina Bank	(i)	50.771.421.108	47.060.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín			
Khoản vay 1		-	6.245.000.000
Khoản vay 2	(j)	81.645.101.940	-
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam	(k)	44.875.660.253	-
Ngân hàng Quân đội Việt Nam	(l)	129.000.000.000	-
Ngân hàng Tiền Phong	(m)	51.972.800.000	-
Ngân hàng Bảo Việt	(n)	150.649.994.231	-
Ngân hàng ANZ	(o)	23.167.387.682	-
Ngân hàng Thương mại Á Châu	(p)	31.466.190.536	-
		1.646.489.975.890	673.941.217.193
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)		126.466.320.112	64.614.162.956
		1.772.956.296.002	738.555.380.149

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

- a. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 773.220.403.861 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 373.027.129.500 VNĐ. Khoản vay này bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 250.172.838.000 VNĐ, chịu lãi suất năm từ 12% đến 13,8%.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 129.000.000.000 VNĐ, chịu lãi suất năm 6%.

- b. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 924.015.485.931 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 12% đến 13,8%.

- c. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 570.912.485.120 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 5% đến 6%.

- d. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 23.331.039.217 VNĐ và tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 74.623.980.768 VNĐ. Khoản vay này bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 89.605.926.343 VNĐ, chịu lãi suất năm 6,5%.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 180.434.911.000 VNĐ, chịu lãi suất năm từ 12,0% đến 13,8%.

- e. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 23.331.039.217 VNĐ và tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hoa Sen với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 74.623.980.768 VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 12,0% đến 13,8%.

- f. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 34.537.974.060 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 52.534.494.614 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 6,4% đến 6,8% (2009: 3%).

- g. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 186.457.842.869 VNĐ và tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 151.456.000.000 VNĐ. Khoản vay này bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 15.165.383.940 VNĐ, chịu lãi suất năm từ 4,9% đến 5,0%.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 114.975.000.000, chịu lãi suất năm từ 10% đến 14%.

- h. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.775.452.569.794 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 670.730.908.552 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm 5% (2009: 5%).
- i. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.121.401.125.648 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 71.247.275.000 VNĐ). Khoản vay này bằng VNĐ và Đô la Mỹ.

Khoản vay bằng VNĐ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 16.808.000.000 VNĐ, chịu lãi suất năm từ 14,2% đến 14,4% (2009: 6,5%).

Khoản vay bằng Đô la Mỹ có số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 tương đương 33.963.421.108 VNĐ, chịu lãi suất năm 6,5%.

- j. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 12.045.062.463 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 6% đến 7%.
- k. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 36.678.818.118 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm 7%.
- l. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 81.923.979.627 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm 12,7%.
- m. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 46.903.586.256 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 13,7% đến 14,3%.
- n. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.120.740.032.248 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm 13,5%.
- o. Khoản vay được bảo đảm bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.775.452.569.794 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 13,5% đến 13,8%.
- p. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.117.449.650.648 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 6,3%.

Các tài sản được dùng để đảm bảo cho các khoản vay trên cũng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay khác từ cùng một ngân hàng.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****17. Phải trả thương mại**

Phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho các công ty liên quan sau:

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	33.501.245.750	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	5.493.422.472	3.544.165.739
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	71.343.507.328	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	24.830.330.005	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	81.114.355	5.467.088.689
	<hr/> 135.249.619.910	<hr/> 9.011.254.428

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	18.314.375.991	12.549.813.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.693.970.504
Thuế nhập khẩu	1.128.280.960	194.360.082
Thuế thu nhập cá nhân	202.220.279	231.851.286
	<hr/> 19.644.877.230	<hr/> 19.669.995.714

19. Chi phí trích trước

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Lương tháng 13	4.823.503.000	2.273.431.000
Xây dựng cơ bản dở dang	80.408.592.287	8.546.829.336
Phí kiểm toán	397.572.000	339.820.000
Chi phí điện	454.389.585	461.288.820
Lãi vay ngân hàng	2.477.307.000	-
Chi phí khác	1.171.291.913	-
	<hr/> 89.732.655.785	<hr/> 11.621.369.156

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)

20. Phải trả khác

	30/9/2010	30/9/2009
	VND	VND
Cổ tức phải trả	968.592.000	57.933.253.000
Phí công đoàn	146.888.800	65.938.000
Bảo hiểm xã hội	347.246.050	232.100.000
Đặt cọc từ các lái xe	102.399.758	317.240.000
Doanh thu chưa thực hiện	4.560.000.000	-
Nhận tiền ủy thác mua tài sản (*)	23.581.885.056	-
Phải trả khác	4.653.506.643	438.002.393
	34.360.518.307	58.986.533.393

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (“Vietcombank”) để thanh toán tiền nhập khẩu tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính và hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen và Vietcombank.

Trong khoản phải trả khác có khoản phải trả các bên liên quan sau:

	30/9/2010	30/9/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	3.459.769.879	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	102.399.758	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	187.334.654	-
	3.749.504.291	-

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Quỹ này được phân loại lại vào nợ phải trả ngắn hạn theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.151.926.861	-
Tăng trong năm	6.121.598.094	5.841.522.275
Thu quỹ khen thưởng và phúc lợi từ công ty con	-	3.660.408.981
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(11.544.527.579)	(2.350.004.395)
	1.728.997.376	7.151.926.861

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

22. Vay dài hạn

	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam			
Khoản vay 1		-	23.360.000.000
Khoản vay 2	(a)	33.131.000.000	47.574.800.000
Khoản vay 3		-	9.275.000.000
Khoản vay 4		-	9.312.000.000
Khoản vay 5	(b)	3.381.580.000	2.944.000.000
Khoản vay 6	(c)	112.556.000.000	54.494.000.000
Khoản vay 7		-	579.930.000
Khoản vay 8	(d)	135.358.516.000	38.841.516.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 1	(e)	4.266.288.336	5.105.183.824
Khoản vay 2		-	2.990.000.000
Khoản vay 3	(f)	27.494.990.147	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 1	(g)	118.534.946.415	120.178.863.695
Khoản vay 2	(h)	53.140.000.000	63.760.000.000
Khoản vay 3	(i)	10.800.000.000	14.400.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	(j)	3.030.000.000	-
Ngân hàng Indovina	(k)	35.023.888.000	-
		<hr/>	<hr/>
		536.717.208.898	392.815.293.519
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)		(126.466.320.112)	(64.614.162.956)
		<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng		410.250.888.786	328.201.130.563

a. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 94.309.561.304 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 111.469.227.314 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 5,7% đến 6,5% (2009: 5,7% đến 6,8%) và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 20 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 32 tháng), mỗi tháng 1.656.550.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 1.486.712.500 VNĐ).

b. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của cổ đông với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 244.616.200.000 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 42 tháng, mỗi tháng 78.570.000 VNĐ và tháng cuối cùng trả 81.640.000 VNĐ.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

- c. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 671.698.706.451 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 642.890.832.569 VNĐ) và tài sản của cổ đông với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 244.616.200.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 244.616.200.000 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 16 quý, mỗi quý 7.000.000.000 VNĐ và quý cuối cùng trả 556.000.000 VNĐ.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 671.698.706.451 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 642.890.832.569 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 8,0% đến 10,5% (2009: 6,5% đến 10,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 15 quý, mỗi quý 8.400.000.000 VNĐ và quý cuối cùng trả 9.358.516.000 VNĐ.
- e. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 11.295.653.403 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 12.517.806.060 VNĐ) và tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 7.033.523.327 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 7.894.159.499 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm từ 5,0% đến 7,0% (2009: 5,5%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 12 quý (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 16 quý), mỗi quý 355.524.028 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 319.073.989 VNĐ).
- f. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 13.936.776.538 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 14,2%. Khoản vay này được hoàn trả trong 2 năm, mỗi năm 10.000.000.000 VNĐ bắt đầu từ ngày 11 tháng 9 năm 2011 và đợt cuối cùng trả số dư còn lại.
- g. Khoản vay bằng Đô la Mỹ và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 267.189.735.416 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 299.969.634.464 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm 1,7% (2009: 1,7%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 30 quý (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 34 quý), mỗi quý 3.843.196.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 3.449.173.000 VNĐ) và quý cuối cùng trả 3.239.066.415 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 2.906.981.695 VNĐ).
- h. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 15.558.013.280 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 18.396.454.160 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm 7,8% (2009: 7,8%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 59 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 71 tháng), mỗi tháng 885.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 885.000.000 VNĐ) và tháng cuối cùng trả 925.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 925.000.000 VNĐ).
- i. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 267.189.735.416 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 299.969.634.464 VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất năm 8,4% (2009: 8,4%). Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 36 tháng (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 48 tháng), mỗi tháng 300.000.000 VNĐ (ngày 30 tháng 9 năm 2009: 300.000.000 VNĐ).

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)

- j. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 1.120.740.032.248 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 13,5% đến 16,0%. Số dư còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 được hoàn trả trong 7 tháng, mỗi tháng 386.000.000 VNĐ và tháng cuối cùng trả 328.000.000 VNĐ.
- k. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là 63.463.443.278 VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm từ 13,5% đến 14,5%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 vẫn chưa xác định lịch hoàn trả.

23. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ
Số dư đầu năm	1.452.447.500
Trích lập dự phòng trong năm	141.490.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(245.662.500)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.348.275.000

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010****(tiếp theo)****24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	30/9/2010		30/9/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã góp	100.790.790	1.007.907.900.000	57.038.500	570.385.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(20.012)	(572.094.000)	(20.000)	(572.000.000)
	100.770.778	1.007.335.806.000	57.018.500	569.813.000.000

Tất cả cổ phiếu thường có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu ứng với 1 quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức định kỳ theo thông báo. Tất cả cổ phiếu thường có quyền ngang nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu đó được tái phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	57.018.500	569.813.000.000	57.018.500	569.813.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	12.961.500	129.615.000.000	-	-
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	6.998.000	69.980.000.000	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	23.792.790	237.927.900.000	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ mua lại	(12)	(94.000)	-	-
Số dư cuối năm	100.770.778	1.007.335.806.000	57.018.500	569.813.000.000

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

25. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tài khoản này thể hiện khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất trước khi quyền sử dụng đất được dùng như một khoản vốn góp vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen, một công ty con.

26. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	3.831.706.127.593	2.498.255.502.616
▪ Hàng hóa đã bán	4.008.614.406.722	1.741.294.355.107
	<hr/> 7.840.320.534.315	<hr/> 4.239.549.857.723
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(874.650.617)	(478.956.348)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.131.632.824)	(7.822.843.597)
▪ Thuế trực tiếp	(1.014.648.034)	-
▪ Chiết khấu thương mại	(1.182.354.748)	-
	<hr/> (12.203.286.223)	<hr/> (8.301.799.945)
Doanh thu thuần	<hr/> 7.828.117.248.092	<hr/> 4.231.248.057.778

27. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	3.215.184.509.174	2.132.883.454.064
▪ Hàng hóa đã bán	3.862.277.854.841	1.664.499.748.661
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	208.244.373	(42.020.226.168)
	<hr/> 7.077.670.608.388	<hr/> 3.755.362.976.557

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010****(tiếp theo)****28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.532.993.102	861.299.937
Cổ tức	1.350.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.720.454.011	13.239.716.483
	<hr/>	<hr/>
	21.603.447.113	14.101.016.420

29. Chi phí hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	159.160.398.441	73.751.347.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá	193.437.078.083	84.649.249.550
Dự phòng đầu tư dài hạn	553.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	353.150.476.524	158.400.597.289

30. Thu nhập khác

	2010 VND	2009 VND
Bán phế liệu	17.084.031.062	6.679.188.602
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	268.338.978.568	15.898.152.845
Doanh thu cho thuê	3.582.256.006	-
Thu từ kiểm kê hàng tồn kho	4.080.763.468	2.211.887.642
Chi phí điện tính lại cho công ty con	7.883.306.542	-
Khác	3.400.226.648	3.171.145.116
	<hr/>	<hr/>
	304.369.562.294	27.960.374.205

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****31. Chi phí khác**

	2010 VND	2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	269.679.645.146	16.355.794.687
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình xóa sổ	8.778.403	-
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	2.218.953.776	-
Chi phí điện	7.879.817.971	-
Chi phí phúc lợi	1.379.139.407	-
Khác	842.518.901	324.269.477
	<hr/>	
	282.008.853.604	16.680.064.164
	<hr/>	

32. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	11.879.295.361	6.836.031.836
	<hr/>	
(Lợi ích)/chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(1.070.029.194)	-
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	932.789.684	6.414.630.992
Tăng thuế suất	(872.694.535)	(3.207.315.496)
	<hr/>	
	(1.009.934.045)	3.207.315.496
	<hr/>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.869.361.316	10.043.347.332
	<hr/>	

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	145.137.424.930	146.144.455.595
Thuế theo thuế suất thuế của Công ty	21.770.613.740	21.921.668.340
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.711.590.302	547.993.200
Thu nhập miễn thuế	(860.852.830)	-
Ảnh hưởng do thuế suất tăng	(872.694.535)	-
Ảnh hưởng của giảm thuế	(11.879.295.361)	(12.426.314.208)
	10.869.361.316	10.043.347.332

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế và 25% kể từ năm 2014. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

(tiếp theo)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2009 và 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	134.268.063.614	136.101.108.263

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	57.018.500	57.018.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành	8.316.962	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	30.790.790	30.790.790
Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong năm	(6)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cuối năm	96.126.246	87.809.290

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

34. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty vào ngày 3 tháng 10 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức đợt 3 của năm 2008 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ một cổ đông nắm giữ mười cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 thì sẽ nhận được một cổ phiếu.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường của Công ty vào ngày 3 tháng 10 năm 2009 cũng quyết định phân phối cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ một cổ đông cứ năm giữ mười cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 thì sẽ được nhận một cổ phiếu.

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty vào ngày 27 tháng 3 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức 167.947.900.000 VNĐ bằng cổ phiếu theo tỷ lệ một cổ đông cứ năm giữ năm cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 thì sẽ được nhận một cổ phiếu.

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa các bên liên quan với các công ty con, các cổ đông, thành viên hội đồng quản trị và các cán bộ điều hành.

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt và các cổ đông:

	Giá trị giao dịch	
	2010 VND	2009 VND
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		
Trả trước mua quyền sử dụng đất	104.355.929.500	21.353.612.000
Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát		
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	2.349.028.027	708.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	3.134.997.000	1.921.600.000

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****Các giao dịch khác với các công ty con**

Bên cạnh số dư với các công ty con thể hiện trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, trong năm có các giao dịch chủ yếu với các công ty con sau:

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán nguyên vật liệu	2.175.011.156.952	1.367.225.052.589
Bán công cụ và dụng cụ	14.455.950.572	11.503.621.681
Bán tài sản cố định	-	15.331.014.305
Bán khác	867.785.872	508.561.122
Mua thành phẩm	1.750.719.334.480	1.416.809.632.564
Mua nguyên vật liệu	266.252.298.827	53.297.053.889
Mua công cụ và dụng cụ	1.132.500	95.567.069
Mua tài sản cố định	-	495.472.676
Mua khác	9.097.536.679	566.680.455
Trả lại hàng mua	(141.526.000)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán nguyên vật liệu	-	144.959.947.176
Bán tài sản cố định	16.773.152.000	554.293.547
Bán thành phẩm	348.485.485.690	43.729.500
Bán công cụ và dụng cụ	-	19.568.513
Trả lại hàng bán	(2.398.494.519)	-
Bán khác	5.255.435.242	79.798.958
Mua nguyên vật liệu	17.486.355.141	258.611.774.792
Mua tài sản cố định	-	364.447.983
Mua công cụ và dụng cụ	28.888.694	6.720.000
Mua thành phẩm	15.790.912.316	-
Mua hàng hóa	508.453.238.912	-
Trả lại hàng mua	(1.609.169.618)	(6.123.743.147)
Chiết khấu hàng mua	(52.964.298)	(1.393.823.479)
Dự phòng mua	-	(19.912.909)
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Bán nguyên vật liệu	18.544.040	239.020.465
Bán nhiên liệu	2.554.391.748	1.404.885.945
Dịch vụ xây dựng	-	6.066.249.849
Bán tài sản cố định	425.538.304	-
Bán khác	-	18.551.214
Mua dịch vụ xây dựng	2.906.176.618	3.893.498.861
Mua tài sản cố định	245.773.390	190.476.190
Mua nguyên vật liệu và công cụ	909.758.428	-
Mua dịch vụ sửa chữa và gia công	1.044.153.282	3.151.157.054
Mua dịch vụ vận chuyển	8.797.643.790	4.490.951.954
Góp vốn bằng tài sản cố định	-	6.276.000.000

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	604.525.204.113	-
Bán tài sản cố định	250.158.302.275	-
Bán hàng hóa	194.497.150.054	-
Bán công cụ và dụng cụ	34.057.968.755	-
Bán khác	9.282.169.944	-
Mua nguyên vật liệu	907.169.850.062	-
Mua tài sản cố định	287.008.377.786	-
Mua công cụ và dụng cụ	25.348.027.157	-
Mua thành phẩm	115.567.200	-
Mua khác	6.681.006.427	-
Trả lại hàng mua	(200.136.265)	-
Góp vốn bằng tài sản cố định	26.511.836.485	-
Góp vốn bằng tiền mặt	1.006.629.021	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Hoa Sen		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	117.845.372	-
Bán khác	35.924.600	-
Mua nguyên vật liệu	6.671.554.387	-
Mua hàng hóa	33.869.942.594	-
Trả lại hàng mua	(266.478.771)	-
Góp vốn	5.000.000.000	-

36. Các cam kết**(a) Đầu tư mua sắm tài sản**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Công ty có các cam kết đầu tư mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán:

	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	407.313.388.205	322.049.155.252
Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	14.471.313.109	3.285.125.048.197
	421.784.701.314	3.607.174.203.449

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)****(b) Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Trong vòng một năm	8.638.765.316	6.411.600.986
Từ hai đến năm năm	23.503.960.302	23.809.576.287
Trên năm năm	123.135.490.313	129.070.565.427
	<hr/>	<hr/>
	155.278.215.931	159.291.742.700

37. Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua USD và EUR được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	30/9/2010 VND	30/9/2009 VND
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn		
▪ USD	235.305.133.574	-
▪ EUR	1.073.680.000	-
	<hr/>	<hr/>
	236.378.813.574	-

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.596.822.623.725	1.771.218.831.492
Chi phí nhân công và nhân viên	122.210.770.228	78.180.952.141
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.524.654.434	62.407.756.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.014.751.265	121.374.493.976
Các chi phí khác	35.003.387.650	18.007.030.585
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010
(tiếp theo)**

39. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

Bảng cân đối kế toán

	30/9/2010 (phân loại lại) VNĐ	30/9/2009 (đã được trình bày trước đây) VNĐ
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ ngắn hạn)	7.151.926.861	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (chủ sở hữu)	-	7.151.926.861

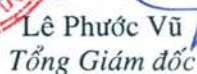
Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Phước Vũ
Tổng Giám đốc

ngày 23 tháng 12 năm 2010